

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu
(công trình thực hiện năm 2024 - 2025)”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Văn bản số 2567/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu (công trình thực hiện năm 2024 - 2025)” của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố: Tp.HCM, Tây Ninh;
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố: Tp.HCM, Tây Ninh;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT. PN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “CÔNG TRÌNH NẠO VẾT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI SÀI GÒN - VŨNG TÀU (CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2024 - 2025)”

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BNNMT ngày..... tháng..... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu (công trình thực hiện năm 2024 - 2025).

- Chủ Dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); vị trí bãi chứa tiếp nhận vật, chất nạo vét thuộc địa bàn tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

- Địa chỉ liên hệ: Số 8 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án thuộc Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2025 theo Quyết định số 1614/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng).

- Dự án thực hiện nạo vét, duy tu tại 06 (sáu) đoạn cạn trên luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu gồm: Đoạn vịnh Gành Rái, đoạn Kervella, đoạn mũi L'est, đoạn Propontis, đoạn từ phao 71 - ĐT83 và đoạn Vũng quay tàu VQ2.

- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 385.398,5 m³.

- Tổng thời gian thi công dự kiến là 75 ngày (dự kiến thực hiện vào quý III - quý IV năm 2025).

- Tổng diện tích nạo vét của Dự án là 390,725 ha đất mặt nước thuộc tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Bảng 1. Tọa độ giới hạn phạm vi khu vực nạo vét

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
I	Đoạn Gành Rái: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°)	
G1	1.152.934,081	416.795,465
G2	1.153.067,485	416.864,209
G3	1.151.782,005	419.581,737
G4	1.151.670,728	419.848,607
G5	1.149.425,528	421.531,035
G6	1.149.186,859	421.212,621

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
G7	1.151.750,729	419.297,081
II	Đoạn cạn Kervella: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)	
K1	1.167.189,752	619.799,332
K2	1.167.360,524	619.885,932
K3	1.167.296,843	620.079,037
K4	1.166.906,913	620.351,488
K5	1.166.750,625	620.343,143
K6	1.166.727,883	620.142,356
K7	1.166.818,812	620.120,272
K8	1.167.110,030	619.916,794
III	Đoạn cạn mũi L'est: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)	
M1	1.170.836,916	620.935,545
M2	1.170.672,017	621.064,136
M3	1.170.517,441	620.870,566
M4	1.170.483,884	620.764,725
M5	1.170.505,601	620.434,774
M6	1.170.524,295	619.078,471
M7	1.170.482,352	618.816,646
M8	1.170.394,706	618.629,723
M9	1.170.146,182	618.596,920
M10	1.169.873,245	618.663,133
M11	1.169.589,904	618.886,136
M12	1.169.408,623	618.964,137
M13	1.169.192,538	619.014,674
M14	1.169.147,581	619.010,049
M15	1.169.121,077	618.807,256
M16	1.169.194,365	618.797,677
M17	1.169.431,298	618.743,493
M18	1.169.812,095	618.530,773
M19	1.170.107,978	618.332,962
M20	1.170.492,003	618.380,657
M21	1.170.608,075	618.472,561
M22	1.170.743,298	618.763,443
M23	1.170.674,277	619.080,531
M24	1.170.655,120	620.432,624
M25	1.170.691,877	620.750,428
IV	Đoạn cạn Propontis: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)	

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
P1	1.172.141,027	621.665,522
P2	1.172.020,192	621.756,866
P3	1.171.997,621	621.733,362
P4	1.171.715,421	621.472,599
P5	1.171.402,304	621.317,849
P6	1.171.291,771	621.286,876
P7	1.171.342,779	621.104,872
P8	1.171.455,141	621.109,812
P9	1.171.868,786	621.315,475
P10	1.172.107,537	621.631,276
V	Đoạn cận P71 - ĐT83: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)	
D1	1.190.637,824	607.422,762
D2	1.191.334,794	607.453,896
D3	1.191.639,684	607.417,245
D4	1.191.868,082	607.520,565
D5	1.192.064,988	607.757,520
D6	1.192.111,269	607.974,696
D7	1.192.083,544	608.314,640
D8	1.191.962,351	608.626,469
D9	1.191.525,420	609.077,035
D10	1.191.274,249	609.291,194
D11	1.191.002,897	609.458,146
D12	1.190.499,262	609.565,524
D13	1.190.148,592	609.482,694
D14	1.189.307,750	608.810,915
D15	1.188.707,560	608.600,410
D16	1.188.505,645	608.598,574
D17	1.188.345,882	608.656,508
D18	1.188.188,978	609.032,660
D19	1.188.416,718	609.923,633
D20	1.188.428,934	610.188,540
D21	1.188.373,022	610.325,555
D22	1.188.188,059	610.251,701
D23	1.188.233,380	610.138,196
D24	1.188.093,016	609.394,042
D25	1.187.957,867	609.038,149
D26	1.188.083,133	608.617,519
D27	1.188.316,823	608.475,260
D28	1.188.507,483	608.448,573

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
D29	1.188.980,459	608.443,188
D30	1.189.184,513	608.517,027
D31	1.190.102,987	609.235,415
D32	1.190.233,576	609.297,273
D33	1.190.506,216	609.361,665
D34	1.190.828,275	609.334,960
D35	1.191.053,941	609.250,631
D36	1.191.624,680	608.762,544
D37	1.191.777,747	608.538,004
D38	1.191.884,005	608.281,611
D39	1.191.919,071	607.992,494
D40	1.191.865,735	607.805,495
D41	1.191.741,172	607.689,340
D42	1.191.576,378	607.611,349
D43	1.190.579,884	607.561,509
VI	Vũng quay tàu VQ2: Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)	
V1	1.190.164,451	605.897,372
V2	1.190.085,382	606.370,846
V3	1.189.936,260	606.282,492
V4	1.190.005,764	605.925,753

Bảng 2. Thông số kỹ thuật của từng đoạn luồng nạo vét

TT	Các đoạn cạn nạo vét	Khối lượng nạo vét (m ³)	Thông số kỹ thuật chính
1	Đoạn cạn vịnh Gành Rái	8.123,2	Cao độ đáy nạo vét: H = -8,5 m (Hệ Hải đồ); Bề rộng: B = 400 m; Mái dốc nạo vét: m = 5
2	Đoạn cạn Kervella	5.564,0	Cao độ đáy nạo vét: H = -8,5 m (Hệ Hải đồ); Bề rộng: B = 150 m; Mái dốc nạo vét: m = 5
3	Đoạn cạn mũi L'est	29.977,4	
4	Đoạn cạn Propontis	5.229,2	
5	Đoạn cạn phao 71-ĐT83	231.955,7	Cao độ đáy nạo vét: H = -8,5 m (Hệ Hải đồ); Đường kính vùng quay nửa đường tròn D = 480 m; Mái dốc nạo vét: m = 5
6	Vùng quay tàu VQ2	104.549,0	
Tổng khối lượng nạo vét:		385.398,5	

1.3. Công nghệ thi công

- Chuẩn bị mặt bằng, thi công đê bao bãi chứa, âu chứa tạm; thực hiện nạo

vét, duy tu luồng, vận chuyển vật, chất nạo vét đến vị trí âu chứa tạm; xả đáy vào âu chứa tạm (sử dụng tàu hút bùn và sà lan xả đáy) và bơm vật, chất nạo vét từ âu chứa tạm lên bãi chứa vật, chất nạo vét trong khoảng 75 ngày. Dự án thực hiện thi công theo hình thức cuốn chiếu, nạo vét từng bên của tuyến luồng để bảo đảm không cản trở hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông thủy.

- Phương tiện chính sử dụng bao gồm:

+ 03 tàu hút bùn tự hành công suất ≤ 6.000 Hp.

+ 16 máy đào gầu dây công suất ≤ 100 m³/giờ.

+ 32 sà lan vận chuyển vật, chất nạo vét ≤ 3.000 T.

+ 51 tàu kéo công suất ≤ 600 Hp.

+ 03 tàu hút phun, công suất ≤ 5.000 Hp để hút phun vật, chất nạo vét từ âu chứa tạm lên bãi chứa.

+ 72 máy đào 01 gầu công suất $\leq 1,5$ m³/giờ tại vị trí bãi chứa.

+ Phương tiện dự phòng để đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án, luôn sẵn sàng thay thế khi cần thiết (Đơn vị thi công báo cáo và xin chấp thuận từ cơ quan có thẩm quyền để được cấp phép vận hành các thiết bị này).

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

a) Các hạng mục công trình của Dự án

Tổng khối lượng nạo vét khoảng 385.398,5 m³. Diện tích bãi chứa vật, chất nạo vét là 18,45 ha thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Tập tại xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (địa chỉ trước ngày 01/7/2025), nay là tỉnh Tây Ninh. Bãi chứa vật, chất nạo vét đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chấp thuận tại Văn bản số 1488/UBND-KTTC ngày 02/3/2023, với các hạng mục chính:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống đê bao, ô chứa, ô lắng nước róc tại bãi chứa vật, chất nạo vét; nước róc từ bãi chứa trước khi xả ra ngoài môi trường được đi qua ô chứa, ô lắng để lắng cặn. Dự án bố trí 02 ô lắng và 02 ô chứa, ô lắng được bố trí ngay trong bãi chứa và được ngăn cách với ô chứa bằng bờ ngăn, tổng diện tích 02 ô lắng là 1,5 ha.

Bảng 3. Tọa độ giới hạn phạm vi khu đất bãi chứa vật, chất nạo vét

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	T12	1.164.664,790	607.141,231
2	168	1.164.659,809	607.156,158
3	169	1.164.645,514	607.172,611
4	170	1.164.636,095	607.192,486
5	171	1.164.545,444	607.163,789
6	172	1.164.535,695	607.197,748
7	173	1.164.563,900	607.213,605
8	174	1.164.559,235	607.222,385

9	175	1.164.547,770	607.243,953
10	176	1.164.532,400	607.272,881
11	177	1.164.578,831	607.291,011
12	178	1.164.538,296	607.448,024
13	179	1.164.487,650	607.490,811
14	180	1.164.455,437	607.563,429
15	181	1.164.348,809	607.533,902
16	183	1.164.332,966	607.570,955
17	184	1.164.312,958	607.563,992
18	185	1.164.257,892	607.547,210
19	186	1.164.172,839	607.536,598
20	187	1.164.157,985	607.573,647
21	188	1.164.130,001	607.642,536
22	189	1.164.064,116	607.637,175
23	190	1.164.071,203	607.567,525
24	191	1.164.076,287	607.517,555
25	192	1.164.093,457	607.349,084
26	193	1.164.108,566	607.200,299
27	T13	1.164.120,320	607.084,778

- Các công trình phụ trợ: Âu chứa tạm vật, chất nạo vét được bố trí trên sông Cần Giuộc thuộc xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (địa chỉ trước ngày 01/7/2025), nay là tỉnh Tây Ninh, cách bãi chứa vật, chất nạo vét khoảng 1,7 km; thông số kỹ thuật của âu chứa tạm vật, chất nạo vét có kích thước: $B \times L = 50 \text{ m} \times 250 \text{ m}$. Sau khi hoàn thành thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu, âu chứa tạm được hoàn nguyên (sử dụng vật, chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu hoàn trả bằng cao độ ban đầu tại khu vực âu chứa tạm; khối lượng đã nạo vét trước đó tại vị trí âu để tạo âu chứa tạm vật, chất nạo vét).

Bảng 4. Tọa độ giới hạn phạm vi âu chứa tạm vật, chất nạo vét

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3 ^o)	
		X (m)	Y (m)
1	AC1	1.162.974,569	606.592,832
2	AC2	1.163.021,257	606.610,726
3	AC3	1.162.931,777	606.844,182
4	AC4	1.162.885,090	606.826,288

- Tuyến luồng tạm: Hướng tuyến luồng kết nối từ tuyến luồng Soài Rạp tại vị trí ngã ba sông Soài Rạp - sông Cần Giuộc với 02 nhánh kết nối gồm:

+ Nhánh 1: Kết nối thẳng tuyến luồng sông Cần Giuộc tới luồng Soài Rạp. Chiều dài nhánh là 3.092 m.

+ Nhánh 2: Kết nối từ khu vực phao 34 tuyến luồng Soài Rạp vào tuyến luồng sông Cần Giuộc với bán kính cong $R = 425 \text{ m}$. Chiều dài nhánh là 1.459 m.

- Bề rộng lựa chọn luồng tạm B = 70 m, bằng với bề rộng tuyến luồng đường thủy nội địa hiện đang khai thác trên sông Cần Giuộc.
- Cao độ đáy luồng: -3,65 m ÷ -10,15 m (Hệ Hải đồ).

Bảng 5. Tọa độ giới hạn tuyến luồng tạm

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
BT1	1.162.679,361	608.798,889
BT2	1.162.139,156	608.227,088
BT3	1.162.032,815	607.971,437
BT4	1.162.122,993	607.709,613
BT5	1.162.358,763	607.421,363
BT6	1.162.546,354	607.193,670
BT7	1.162.761,868	606.929,567
BT8	1.162.935,975	606.526,769
BP1	1.160.813,528	608.974,833
BP2	1.161.414,513	608.376,092
BP3	1.161.640,005	608.145,355
BP4	1.161.859,057	607.909,043
BP5	1.162.069,088	607.664,907
BP6	1.162.304,263	607.377,355
BP7	1.162.491,830	607.149,693
BP8	1.162.707,240	606.885,718
BP9	1.162.867,506	606.510,506
T1-1	1.160.801,485	609.036,239
T1-2	1.162.687,429	608.858,399
T2-1	1.161.439,383	608.400,723
T2-2	1.162.113,694	608.251,106
T3-1	1.161.665,361	608.169,489
T3-2	1.161.997,737	607.969,123
T4-1	1.161.885,169	607.932,362
T5	1.162.100,337	607.681,961
T6	1.162.331,318	607.399,564
T7	1.162.518,897	607.171,886
T8	1.162.734,359	606.907,847
T9	1.162.845,307	606.724,958

b) Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
- Hoạt động nạo vét tại 06 đoạn cạn trên tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

- Hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực âu chứa tạm, sau đó xả đáy vật, chất nạo vét tại âu chứa tạm.

- Hoạt động bơm hút vật, chất nạo vét từ âu chứa tạm lên bãi chứa vật, chất nạo vét có diện tích 18,45 ha thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Tập tại xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (địa chỉ trước ngày 01/7/2025), nay là tỉnh Tây Ninh.

- Hoạt động lắng và tháo khô nước róc từ bãi chứa vật, chất nạo vét ra nguồn tiếp nhận.

- Thanh thải mọi chương ngại vật, di chuyển các thiết bị, máy móc thi công, phao dấu, biển báo ra khỏi khu vực theo quy định, đảm bảo an toàn hoạt động giao thông thủy và an toàn hàng hải trên tuyến luồng, hoàn nguyên âu chứa tạm sau khi kết thúc quá trình nạo vét.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng trên diện tích bãi chứa vật, chất nạo vét (nội dung này do Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Tập - Công ty TNHH Saigontel Long An thực hiện).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét; xả đáy, đổ vật, chất nạo vét vào âu chứa tạm; hút phun vật, chất nạo vét lên bãi chứa và hoạt động tháo khô nước róc từ bãi chứa ra nguồn tiếp nhận làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS tác động tới chất lượng nước khu vực nạo vét, âu chứa tạm và khu vực bãi chứa và có nguy cơ xảy ra sự cố xói lở hai bên bờ vị trí nạo vét và âu chứa tạm; sự cố vỡ đê bao bãi chứa.

- Hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, hút phun vật, chất nạo vét và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tràn dầu do tai nạn giao thông thủy.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị:

Giai đoạn chuẩn bị ngắn, hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công không phát sinh nước thải.

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các công nhân trên các phương tiện thi công với tổng lưu lượng khoảng 6,95 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.

+ Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

+ Nước róc phát sinh sau ngăn lắng của bãi chứa vật, chất nạo vét trong suốt thời gian thi công với tổng lưu lượng khoảng 165.170,78 m³. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị:

Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Giai đoạn thi công:

Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét đến bãi chứa phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh CTR.

- Giai đoạn thi công:

CTR sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của các công nhân tham gia thi công với tổng khối lượng khoảng 111,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ chai lọ, giấy báo, túi ni lông.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh CTNH.

- Giai đoạn thi công:

CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, thay dầu cho các thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu trong quá trình vệ sinh máy móc với khối lượng phát sinh khoảng 35,4 kg giẻ lau dính dầu và 40 lít dầu thải trong toàn bộ thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn

- Giai đoạn chuẩn bị:

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thủ phương tiện, thiết bị thi công.

- Giai đoạn thi công:

Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, xả đáy vào âu chứa tạm và bơm hút phun vật, chất nạo vét của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động nạo vét của Dự án và hoạt động xả đáy vật, chất nạo vét xuống âu chứa tạm có nguy cơ làm suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu và khu vực xả đáy xuống âu chứa tạm trên sông Cần Giuộc, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực và hoạt động lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương; rủi ro xói lở, bồi lắng hai bên bờ do ảnh hưởng hoạt động nạo vét tại các đoạn cạn trên tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu và tại âu chứa tạm trên sông Cần Giuộc.

- Tác động tới hoạt động giao thông thủy khu vực trong giai đoạn thi công trên tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu và tuyến luồng hàng hải Soài Rạp do hoạt động nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét vào khu vực âu chứa tạm trên sông Cần Giuộc.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu do tai nạn giao thông thủy và từ việc vận hành các phương tiện tham gia thi công, thay dầu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Sử dụng phương tiện tham gia thi công có trang bị sẵn nhà vệ sinh, kết chứa để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trên mỗi phương tiện thi công (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện); hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi phương tiện thi công cập bờ.

4.1.2. Đối với xử lý khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR

- Trang bị trên mỗi phương tiện thủy tham gia thi công 03 thùng chứa 120 lít/thùng có nắp đậy và dán nhãn trên nắp thùng để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh; chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi phương tiện thi công cập bờ với tần suất khoảng 04 - 05 ngày/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ CTR phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 và

Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hợp nhất tại Văn bản số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và các quy định về quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTNH

- Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa, kết chứa dầu và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Trang bị trên mỗi phương tiện thủy tham gia thi công 02 thùng chứa CTNH chuyên dụng dung tích khoảng 100 - 120 lít/thùng có dán nhãn cảnh báo theo quy định và đặt tại vị trí có mái che để thu gom dầu thải và giặt lau dính dầu; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Quy định công nhân viên tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ CTNH trong thùng chứa trên phương tiện; không thải CTNH ra môi trường xung quanh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân định, phân loại, thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 và Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hợp nhất tại Văn bản số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và các quy định về quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn

- Sử dụng các phương tiện thi công đúng chủng loại, công suất được cấp phép, còn hiệu lực đăng kiểm do Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm định; được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thi công theo từng khu vực; tuân thủ biện pháp tổ chức thi công theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án, đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền vật, chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu và sông Cần Giuộc

- Thi công tạo đê bao, ô lửng, cửa tràn, cửa xả bãi chứa vật, chất nạo vét theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Bố trí vải địa kỹ thuật để lọc nước tại các cửa tràn, cửa xả; thường xuyên kiểm tra bảo đảm hiệu quả lọc của vải địa kỹ thuật.

- Quan trắc, giám sát chất lượng nước thoát từ bãi chứa vật, chất nạo vét tại cửa xả ra rạch tự nhiên (rạch Tắc Cạn).

- Thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước mưa xung quanh khu vực bãi chứa vật, chất nạo vét với tần suất 01 tuần/lần hoặc khi thấy có dấu hiệu bị tắc nghẽn.

- Hạn chế nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét: Thường xuyên kiểm tra các đường ống hút phun vật, chất nạo vét để phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi vật, chất nạo vét; các phương tiện thi công chở đúng tải trọng đã được cấp phép.

- Sử dụng tàu đào gầu dây có đáy gầu kín để tránh thất thoát vật, chất nạo vét làm tăng độ đục.

- Các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chở đúng tải trọng đã được cấp phép để hạn chế tình trạng rơi vãi vật, chất nạo vét.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Trong quá trình vận chuyển không để vật, chất nạo vét rơi vãi xuống sông, không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và xả đáy vật, chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, phun hút vật, chất nạo vét lên bãi chứa. Trên các tàu, sà lan vận chuyển có lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển, xả đáy tại âu chứa tạm, đảm bảo định vị chính xác vị trí âu chứa tạm và kiểm soát việc đổ đúng vị trí.

- Khi xả vật, chất nạo vét xuống âu chứa tạm phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Khi kết thúc quá trình nạo vét luồng phải tiến hành công tác hoàn trả lại nguyên trạng ban đầu.

- Khu vực bãi chứa vật, chất nạo vét được bố trí ngăn lửng để xử lý nước rò rỉ từ vật, chất nạo vét trước khi xả ra môi trường.

- Thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thi công theo đúng quy định.

- Giám sát môi trường nước mặt trong giai đoạn thi công để có các biện pháp xử lý kịp thời.

4.4.2. Giảm thiểu tác động tới tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái

- Quan trắc chất lượng nước mặt tại các đoạn cạn nạo vét lân cận có hoạt động nuôi trồng thủy sản thực hiện với tần suất 01 tháng/lần trong suốt thời gian thi công nạo vét hoặc khi có sự cố xảy ra để có các biện pháp xử lý tránh gây ảnh hưởng tới động, thực vật sinh sống phía hạ lưu.

- Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến để giảm thiểu đến mức thấp nhất ảnh hưởng tới môi trường sống của các loài động vật đáy và giảm lượng chất rắn lơ lửng trong nguồn nước.

- Thực hiện các nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải xuống tuyến luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu, luồng hàng hải Soài Rạp và trên sông Cần Giuộc.

4.4.3. Giảm thiểu tác động đối với khu vực người dân nuôi trồng thủy hải sản

- Trước khi thi công, thông báo kế hoạch và thời gian thực hiện đến chính quyền địa phương để chính quyền địa phương thông báo rộng rãi tới người dân có hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản biết để lấy nước cho phù hợp. Trong suốt quá trình thi công, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để lắng nghe, tiếp thu phản ánh của người dân và kịp thời có biện pháp điều chỉnh.

- Thi công nhanh, đúng tiến độ để không gây tác động kéo dài tới hoạt động lấy nước của người dân.

- Tiến hành quan trắc môi trường nước mặt với tần suất 01 tháng/lần để giám sát chất lượng môi trường trong thời gian thi công nạo vét.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động (giảm thiểu việc gia tăng độ đục, giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTNH).

- Tạm dừng tất cả các hoạt động thi công khi có sự cố môi trường do quá trình thi công của Dự án gây ra ảnh hưởng đến các hộ dân nuôi trồng thủy sản; tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố và chỉ được thi công trở lại khi đã khắc phục các sự cố.

4.5. Giảm thiểu các rủi ro, sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đê bao bãi chứa vật, chất nạo vét

- Diện tích, chiều cao bãi chứa vật, chất nạo vét được tính toán thiết kế phù hợp, tính đến hệ số an toàn bảo đảm không diễn ra quá tải gây rò rỉ vật, chất nạo vét ra sông.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật phù hợp trong quá trình đổ vật, chất nạo vét lên bãi chứa, tránh đổ tràn vật, chất nạo vét ra ngoài môi trường gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng đê bao, mực nước trong bãi chứa so với chiều cao của đê bao để kịp thời phát hiện nguy cơ mất an toàn và có biện pháp gia cố phù hợp. Trường hợp phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố với các đê bao bãi chứa, ngừng hút phun vật, chất nạo vét lên bãi chứa; khẩn trương báo cáo và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để kịp thời khắc phục sự cố; gia cố lại đê bao bãi chứa, kiểm tra đảm bảo chắc chắn trước khi tiếp tục phun vật, chất nạo vét lên bãi chứa.

- Thực hiện đổ vật, chất nạo vét lên bãi chứa theo đúng thiết kế, đảm bảo không vượt quá quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng đê bao, mực nước trong bãi chứa để có biện pháp gia cố đê bao phù hợp.

- Trong trường hợp vỡ đê bao: Dừng thi công; gia cố đê bao đảm bảo yêu cầu của thiết kế; chỉ được thi công đổ vật, chất nạo vét sau khi đã khắc phục

xong toàn bộ sự cố; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền liên quan chấp thuận trước khi tái thi công.

4.5.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: Giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng CTNH.

- Vào những ngày mưa, thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được Cảng vụ hàng hải có liên quan phê duyệt trước khi thi công công trình.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (sau đây viết tắt là Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT).

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy

- Tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy; không chuyên chở quá tải trọng cho phép; không vận hành quá tốc độ cho phép; trang bị các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng, phao cứu sinh. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình.

- Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiến hành thi công, quá trình thi công thực hiện đúng phương án đã được phê duyệt.

- Tiến hành thả phao, cắm biển báo theo như phương án an toàn hàng hải đã được phê duyệt. Yêu cầu và giám sát các nhà thầu chấp hành đúng, đầy đủ những quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam và Luật giao thông đường thủy nội địa.

- Phối hợp với các Cảng vụ hàng hải và các cơ quan liên quan để khắc phục sự cố về an toàn giao thông (nếu có).

- Thực hiện bố trí báo hiệu khu vực thi công, âu chứa tạm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng; tuân thủ quy tắc báo hiệu Hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện thi công được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí âu chứa tạm để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải.

4.5.4. Giảm thiểu sự cố xói lở đường bờ do ảnh hưởng hoạt động nạo vét

- Tuân thủ thực hiện nạo vét; đồ vật, chất nạo vét đúng theo thiết kế công trình được duyệt. Thường xuyên theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp đang thi công mà có hiện tượng xói, lở đường bờ tại khu vực thi công, phải tạm dừng hoạt động nạo vét, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới bờ, kè, báo cáo cơ quan chức năng và các bên liên quan xem xét, quyết định phương án xử lý, khắc phục sự cố.

- Thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn luồng hàng hải đã được phê duyệt.

- Lắp biển cảnh báo và thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ sạt lở, không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, khu vực bờ sông không ổn định, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.2.1. Giám sát nước thoát từ bãi chứa vật, chất nạo vét

- Thông số giám sát: TSS.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại cửa xả nước róc từ bãi chứa vật, chất nạo vét tại xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (địa chỉ trước ngày 01/7/2025), nay là tỉnh Tây Ninh.

- Tần suất giám sát: 07 ngày/lần trong suốt thời gian thi công nạo vét luồng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 2, mức B).

5.2.2. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, Tổng dầu mỡ.

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí trên sông Lòng Tàu gần đoạn nạo vét Propontis tại vị trí rạch dẫn vào ao nuôi thủy sản; 01 vị trí trên sông Lòng Tàu gần khu vực có ao nuôi thủy sản của người dân xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước ngày 01/7/2025), nay là Thành phố

Hồ Chí Minh gần đoạn nạo vét Mũi L'est; 01 vị trí trên sông Cần Giuộc phía thượng lưu âu chứa tạm (cách âu chứa tạm khoảng 150 m về phía thượng lưu) và 01 vị trí tại rạch tự nhiên sau điểm tiếp nhận nước róc của bãi chứa.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần trong suốt thời gian thi công nạo vét luồng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (bảng 2, mức B).

5.2.3. Giám sát chất lượng trầm tích

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Cu, Zn, Cr, Hg.

- Vị trí giám sát: 06 vị trí tại 06 đoạn cận khu vực thi công.

- Tần suất giám sát: Thực hiện lấy mẫu 01 lần trước khi đổ vật, chất nạo vét lên bãi chứa.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (trầm tích nước mặn, lợ).

5.2.4. Giám sát CTR và CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.5. Giám sát sạt lở, hư hỏng các công trình dọc hai bên tuyến luồng Sài Gòn - Vũng Tàu tại khu vực các đoạn cận nạo vét và tại khu vực âu chứa tạm trên sông Cần Giuộc

- Nội dung giám sát: Quan sát tình trạng đường bờ, các công trình hai bên tuyến luồng trước khi thi công và trong suốt quá trình thi công; chụp ảnh những vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, hư hỏng công trình và các biến động, thay đổi bất thường của đường bờ, công trình dọc hai bên tuyến luồng.

- Vị trí giám sát: Hai bên bờ kênh đoạn tuyến nạo vét và khu vực âu chứa tạm, tuyến luồng tạm.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị thi công và thi công nạo vét; khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

- Kết thúc quá trình nạo vét, thực hiện thanh thải mọi chướng ngại vật, di chuyển các thiết bị, máy móc thi công, phao dấu, biển báo ra khỏi khu vực theo quy định, đảm bảo an toàn hoạt động giao thông thủy khu vực.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt; đổ vật, chất nạo vét theo đúng địa điểm, diện tích đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Phối hợp với Công ty TNHH Saigontel Long An để đổ vật, chất nạo vét của Dự án đảm bảo theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An tại Văn bản số 3151/SNNMT-CCMTKL ngày 30/5/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến đổ chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu và luồng hàng hải Soài Rạp vào dự án Khu công nghiệp Nam Tân Tập.

- Thường xuyên giám sát an toàn của các hạng mục công trình tại các vị trí bãi tiếp nhận vật, chất nạo vét đảm bảo ngăn ngừa các sự cố phát sinh như vỡ đê bao, sụt lún, rò rỉ vật, chất nạo vét ra môi trường xung quanh. Trường hợp phát hiện các sự cố nêu trên phải dừng ngay hoạt động nạo vét, đổ vật, chất nạo vét; phối hợp với các đơn vị chức năng và chính quyền địa phương ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố; khắc phục, bồi thường thiệt hại đối với môi trường và đời sống của nhân dân trong khu vực theo quy định (nếu có).

- Quản lý và giám sát chất lượng môi trường nước tại khu vực nạo vét và tại nguồn tiếp nhận nước thoát ra từ bãi chứa vật, chất nạo vét bảo đảm không ảnh hưởng xấu đến hoạt động và sinh kế người dân khu vực lân cận; gửi báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi thực hiện hoạt động nạo vét duy tu, vận chuyển và hút phun lên bãi chứa vật, chất nạo vét của Dự án sau khi kết thúc thi công nạo vét.

- Chỉ được hút phun vật, chất nạo vét của Dự án sau khi thi công xong đê bao bãi chứa tại khu vực tiếp nhận theo đúng thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sử dụng phương tiện và thiết bị phục vụ hoạt động của Dự án phù hợp, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; các phương tiện thực hiện việc vận chuyển vật, chất nạo vét phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi giám sát hoạt động nạo vét, vận chuyển và các yêu cầu về bảo vệ môi trường liên quan khác theo quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. Lập và trình phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét. Thực hiện đúng các quy định của Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

- Khi xảy ra sự cố môi trường trong thời gian thực hiện nạo vét duy tu luồng hàng hải và tiếp nhận vật, chất nạo vét tại khu vực bãi chứa làm ảnh hưởng đến sinh kế của dân cư khu vực Dự án, Chủ Dự án phối hợp với nhà thầu và các bên liên quan rà soát, tìm nguyên nhân, yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện bồi thường thiệt hại, hỗ trợ thỏa đáng, tạo sự đồng thuận từ chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương (trường hợp nguyên nhân do hoạt động thi công của Dự án).

- Tuân thủ các quy định hiện hành về thủy lợi, bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước; xây dựng; đất đai; bảo tồn đa dạng sinh học; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình nạo vét của Dự án.

- Theo dõi xói lở đường bờ, biến động của dòng chảy trong khu vực nạo vét; giám sát ổn định của đê bao bãi chứa của Dự án; trong trường hợp phát hiện ô nhiễm môi trường và sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc nạo vét và báo cáo cơ quan có chức năng liên quan để kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định, bảo đảm giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường, hoạt động hàng hải của khu vực.

- Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện Dự án và có các biện pháp thông tin tới cộng đồng dân cư xung quanh về phạm vi nạo vét, các hoạt động chính của Dự án, các tác động xấu đối với môi trường và cộng đồng cũng như các biện pháp giảm thiểu dự kiến được thực hiện; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.